

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 1282/1998/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH SỐ 1282/1998-QĐ-BTC
NGÀY 24 THÁNG 9 NĂM 1998 VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN
VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG
TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Điều 8, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26-12-1991;

Căn cứ các khung thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a/NQ-HĐNN8 ngày 22-2-1992 của Hội đồng Nhà nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 31 NQ/UBTVQH9 ngày 9-3-1993, Nghị quyết số 174 NQ/UBTVQH9 ngày 26-3-1994, Nghị quyết số 290 NQ/UBTVQH9 ngày 7-9-1995, Nghị quyết số 293 NQ/UBTVQH9 ngày 08-11-1995, Nghị quyết số 416 NQ/UBTVQH9 ngày 5-8-1997 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 9;

Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 3 - Quyết định số 280/TTg ngày 28-5-1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu kèm theo Nghị định số 54/CP;

Sau khi có ý kiến của các Bộ, Ngành có liên quan;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 280/TTg ngày 28-5-1994 của Thủ tướng Chính phủ và các Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo các Quyết định số 615A TC/TCT/QĐ ngày 10-6-1995; Quyết định số 1188 TC/QĐ/TCT ngày 20-11-1995; Quyết định số 1233 TC/TCT/QĐ ngày 9-12-1995; Quyết định số 443 TC/QĐ/TCT ngày 4-5-1996; Quyết định số 861A TC/QĐ/TCT ngày 15-9-1996; Quyết định

số 02 TC/QĐ/TCT ngày 02-1-1997; Quyết định số 257 TC/QĐ/TCT ngày 31-3-1997; Quyết định số 496A TC/QĐ/TCT ngày 15-7-1997; Quyết định số 516 TC/QĐ/TCT ngày 21-7-1997; Quyết định số 848 TC/QĐ/TCT ngày 1-11-1997; Quyết định số 103/1998/QĐ/BTC ngày 6-2-1998; Quyết định số 383/1998/QĐ/BTC ngày 30-3-1998; Quyết định số 700/1998/QĐ/BTC ngày 26-5-1998; Quyết định số 843/1998/QĐ/BTC ngày 9-7-1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành tên và thuế suất thuế nhập khẩu mới ghi tại Danh mục sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng của Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan bắt đầu từ ngày 15-10-1998.

DANH MỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TÊN VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU
MỘT SỐ MẶT HÀNG CỦA BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1282/1998/QĐ/BTC
ngày 24-9-1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mã số	Tên nhóm mặt hàng, sản phẩm	Thuế suất (%)
1	2	3
0401	Sữa và kem, chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
0401.00.10	- Sữa tươi các loại chưa chế biến, chưa đóng hộp, chưa đóng thùng	20
0401.00.90	- Loại khác	15
0406	Pho mát và sữa đông dùng làm pho mát	
0406.00.10	- Sữa đông làm pho mát	15
0406.00.90	- Loại khác	20

1517.00	Margarin; các hỗn hợp và chế phẩm dùng để ăn, làm từ mỡ hoặc dầu động, thực vật hoặc các thành phần của các loại mỡ hoặc dầu khác nhau thuộc chương này, trừ mỡ hoặc dầu ăn được hoặc các thành phần của chúng thuộc nhóm 1516	
1517.00.10	- Shortening	40
1517.00.90	- Loại khác	40
2203	Bia sản xuất từ mạch nha (malt	
2203.00.10	- Bia nước chưa đóng chai, chưa đóng hộp	60
2203.00.20	- Bia đã đóng chai	60
2203.00.30	- Bia đã đóng hộp	60
2204	Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm rượu nho, trừ các loại thuộc nhóm 2009	
2204.10	- Rượu vang có ga nhẹ	60
	- Rượu vang khác; hèm rượu nho đã pha thêm cồn để giữ hoặc cản sự lên men:	
2204.21	-- Trong thùng chứa không quá 2 lít	60
2204.29	-- Loại khác	60
2204.29.10	--- Hèm rượu nho đã pha thêm cồn để giữ hoặc cản sự lên men	60
2204.29.90	--- Loại khác	60
2204.30	-- Hèm rượu nho khác	60
2205	Rượu Vvermouth và các loại vang khác làm từ nho tươi, đã làm tăng thêm hương vị bằng các chất thảo mộc hoặc các chất thơm khác	
2205.10	- Trong thùng chứa không quá 2 lít	60

2205.90	- Loại khác	60
2206.00	Đồ uống có men khác (ví dụ: rượu táo, lê, mật ong)	60
2207	Các loại cồn êtilic chưa bị làm biến chất có nồng độ 80% trở lên. Các loại rượu mạnh khác đã bị làm biến chất ở mọi nồng độ	
2207.10	- Các loại cồn êtilic chưa bị làm biến chất có nồng độ 80% trở lên	60
2207.20	- Cồn êtilic và các loại rượu mạnh khác đã bị biến chất ở mọi nồng độ	60
2208	Các loại cồn êtilic chưa bị làm biến chất có nồng độ dưới 80%, rượu mạnh, rượu mùi và các đồ uống có rượu khác; Các chế phẩm chứa rượu dùng để sản xuất đồ uống.	
2208.10	- Các chế phẩm tổng hợp chứa cồn để chế biến đồ uống (cốt rượu các loại)	60
2208.20	- Rượu mạnh cất từ rượu vang nho hoặc rượu bã nho (rượu mắc)	60
2208.30	- Rượu Whiskies	60
2208.40	- Rượu Rum và rượu Rum cất từ mật mía	60
2208.50	- Rượu Gin và rượu Cối (rượu đồ tùng)	60
2208.90	- Loại khác	60
2523	Xi măng portland, xi măng có phèn, xi măng xỉ (xốp), xi măng Super Sunfat, xi măng đông kết trong nước tương tự, đã hoặc chưa nhuộm màu hoặc ở dạng Clanhke.	
2523.10	- Clanhke.	20
	-- Xi măng portland:	

2523.21	-- Xi măng trắng đã hoặc chưa nhuộm màu nhân tạo.	40
2523.29	--- Loại khác	40
2523.30	- Xi măng có phèn ("ciment fondu")	40
2523.90	- Xi măng đông kết trong nước khác.	40
2816.00	Gydoxit và petroxit magiê; ôxít, hydroxit và petroxit stronti hoặc Bari	5
2833.00	Các loại sunfat; các loại phèn các loại peroxosunfat (persunfat)	5
3208	Các loại sơn, véc ni (kể cả các loại men trắng và lacquer) dựa trên cơ sở các polime tổng hợp hoặc polime tự nhiên đã biến đổi về mặt hoá học, đã phân tán hoặc đã hoà tan trong các chất pha màu không có nước, các dung dịch như đã định nghĩa trong chú giải 4 của chương này	
3208.10	- Dựa trên thành phần polyeste	
3208.10.10	-- Sơn chống gỉ, sơn chống axit, sơn chịu nhiệt, sơn cách điện, sơn chống hà, sơn móm nước và sơn trên móm nước	15
3208.10.90	-- Sơn khác và véc ni	30
3208.20	- Dựa trên thành phần polimevinil hay polimeacrylic:	
3208.20.10	-- Sơn chống gỉ, sơn chống axit, sơn chịu nhiệt, sơn cách điện, sơn chống hà, sơn móm nước và sơn trên móm nước	15
3208.20.90	-- Sơn khác và vécni	30
3208.90	- Loại khác	
3208.90.10	-- Sơn chống gỉ, sơn chống axit, sơn chịu nhiệt, sơn	15